TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/DS - ST
Ngày: 24 - 4 - 2023.
Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai.

Ông Nguyễn Hữu Đệ.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Xuân Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12/4/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 235/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST - DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 18/2023/QĐST – DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Trụ sở: Tòa nhà T số xxx đường TQK, phường TT, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Phương T – Giám đốc chi nhánh ĐA (Theo Quyết định số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP B).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Đinh Thị Thanh T1 – Chuyên viên xử lý nợ (Giấy ủy quyền số 222/2022/UQ-B ngày 03/11/2022 của Giám đốc Chi nhánh Đ A - Ngân hàng TMCP B). Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn:

1. Chị ***Lê Thị Hoài L***, sinh năm 1999; Hộ khẩu thường trú: Thôn TL, xã TD, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Thôn Đ, xã TX, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh ***Nguyễn Thành L1***, sinh năm 1996.

Hộ khẩu thường trú: Thôn TL, xã TD, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Thành L và chị Lê Thị Hoài L vay Ngân hàng TMCP B– Chi nhánh ĐA – PGD ML tổng số tiền là: 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng chẵn), theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD51A202156 ngày 16/07/2021, cụ thể như sau:

- Số tiền cho vay: 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng chẵn).
- Mục đích vay: Mua sắm đồ dùng gia dụng trong gia đình.
- Thời hạn vay: 04 năm, từ ngày 17/07/2021 đến hết ngày 16/07/2025.
- Lãi suất cho vay, phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: được quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm xử lý chuyển nợ quá hạn đối với toàn bộ dư nợ gốc quá hạn.

Do không trả được nợ đến hạn nên khoản vay của anh Nguyễn Thành L1 và chị Lê Thị Hoài L đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 25/09/2021. Kể từ khi khoản vay của anh Nguyễn Thành L1 và chị Lê Thị Hoài L phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với khách hàng để yêu cầu trả nợ, tất toán khoản vay nhưng anh L1, chị L không thực hiện.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Nguyễn Thành L1 và chị Lê Thị Hoài L đã trả được tổng số tiền là: 2.284.543 đồng, trong đó: gốc đã trả là 1.605.058 đồng, lãi đã trả là 679.485 đồng.

Theo đại diện Ngân hàng TMCP B xác định: Tính đến ngày 24/3/2023, anh Nguyễn Thành L1 và chị Lê Thị Hoài L còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể: 90.114.401 đồng (Chín mươi triệu, một trăm mười bốn nghìn, bốn trăm linh một đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 75.394.926 đồng;

- Nợ lãi trong hạn: 518.762 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 13.822.027 đồng;
- Nợ lãi chậm trả: 378.686 đồng.

Ngân hàng đề nghị anh L1, chị L thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD51A202156 ngày 16/07/2021 và tiếp tục chịu lãi theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD51A202156 ngày 16/07/2021 kể từ ngày 24/3/2023 cho đến khi trả hết nợ. Ngoài ra, Ngân hàng TMCP B xác định giữ nguyên các yêu cầu khi khởi kiện và không sửa đổi, bổ sung hay rút yêu cầu khởi kiện.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị anh Nguyễn Thành L1 và chị Lê Thị Hoài L chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Thành L1 trình bày: Anh và chị Lê Thị Hoài L kết hôn với nhau từ năm 2019 và chung sống cùng nhau tại thôn TL, xã TD, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Năm 2021, vợ chồng anh cần tiền chi tiêu cá nhân nên đã ký Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD51A202156 ngày 16/07/2021 với Ngân hàng TMCP B để vay số tiền là: 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay vào tài khoản của chị L và số tiền này anh cùng chị L chi tiêu chung. Vợ chồng anh trả nợ cho Ngân hàng được 01 tháng thì không tiếp tục trả do gặp khó khăn về kinh tế dẫn đến việc Ngân hàng TMCP B khởi kiện anh chị tại Tòa án. Theo Ngân hàng xác định số nợ của anh và chị L tại Ngân hàng tính đến ngày 02/11/2022 là: 84.503.986 đồng, trong đó : Nợ gốc : 75.394.942 đồng, nợ lãi : 9.109.044 đồng, anh không có ý kiến. Do anh đang bị bắt về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên chưa có khả năng trả nợ cho Ngân hàng, khi thi hành án xong anh sẽ kiếm việc làm có thu nhập để trả số tiền này. Anh và chị L đã sống ly thân được khoảng một năm, chị L dọn ra ngoài sống không liên lạc với anh nên anh không biết chị L hiện đang ở đâu. Do anh đang bị tạm giam nên xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không yêu cầu phân chia khoản nợ này giữa anh với chị L. Ngoài ra, anh L1 không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Lê Thị Hoài L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, thông báo yêu cầu thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị không cung cấp cho Tòa án các ý kiến, quan điểm của chị đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và các ý kiến yêu cầu khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không giao nộp các tài liệu chứng cứ có liên quan cho Tòa án.

Tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng TMCP B xác định: Tính đến ngày 24/4/2023, anh Nguyễn Thành L1 và chị Lê Thị Hoài L còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể: 90.920.664 đồng (Chín mươi triệu, chín trăm hai mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi tư đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 75.394.922 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 518.762 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 14.606.795 đồng;
- Nợ lãi chậm trả: 400.186 đồng.

Do vậy, anh Nguyễn Thành L1 và chị Lê Thị Hoài L phải có trách nhiệm thanh toán số nợ đối với Ngân hàng là: 90.920.664 đồng (Chín mươi triệu, chín trăm hai mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi tư đồng) và tiếp tục chịu lãi theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD51A202156 ngày 16/07/2021 với Ngân hàng trên dư nợ gốc kể từ ngày 24/4/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Anh Nguyễn Thành L1 và chị Lê Thị Hoài L không có ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến khoản vay, không yêu cầu Tòa án phân định trách nhiệm trả nợ cho anh chị nên anh chị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp, nếu anh L1, chị L có tranh chấp về phân chia khoản nợ chung này sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

Theo số liệu mà Ngân hàng cung cấp cho Tòa án số dơ nợ gốc từ đơn khởi kiện cho đến nay có chênh lệch vài đồng đây là do số liệu theo máy tính theo dõi và Ngân hàng đề nghị Tòa án tính theo dư nợ gốc mà Ngân hàng cung cấp vào ngày xét xử.

Ngoài ra Ngân hàng vẫn giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu đã trình bày với Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa sau khi nhận xét, đánh giá quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và sự chấp hành pháp luật của các đương sự đã xác định:

Đề nghị Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP B đối với anh Nguyễn Thành L1 và chị Lê Thị Hoài L về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Về án phí: Anh Nguyễn Thành L1 và chị Lê Thị Hoài L phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục: Chị Lê Thị Hoài L là bị đơn, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn TL, xã TD, huyện ĐA, thành phố Hà Nội nhưng chị đã không sinh sống tại địa chỉ này khoảng một năm trở lại đây. Theo kết quả xác minh chị L thỉnh thoảng có sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn Đ, xã TX, huyện ĐA, thành phố Hà Nội nhưng không đăng ký tạm trú. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị nhưng chị không đến Tòa án, không giao nộp cho Tòa án các văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm của chị đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Chị L đã được tống đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Anh L1 đang bị tạm giam đã trình bày ý kiến quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và giành quyền kháng cáo cho họ theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD51A202156 ngày 16/07/2021: Ngân hàng TMCP B đã cung cấp các tài liệu thể hiện việc ký kết, nội dung các thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD51A202156 ngày 16/07/2021, quá trình thực hiện, vi phạm hợp đồng tín dụng của anh Nguyễn Thành L1 và chị Lê Thị Hoài L. Anh L có lời khai thừa nhận các nội dung liên quan đến việc ký kết, thực hiện hợp đồng tín dụng với Ngân hàng phù hợp như Ngân hàng trình bày, không có ý kiến gì khác. Chị Lê Thị Hoài L, đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, thông báo yêu cầu thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng nhưng chị không cung cấp cho Tòa án các ý kiến, quan điểm của chị đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác. Do vậy trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định: Khi ký kết các thỏa thuận trên anh L1, chị L và Ngân hàng, hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ tư cách pháp nhân, năng lực hành vi dân sự nên Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD51A202156 ngày 16/07/2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B và anh Nguyễn Thành L1, chị Lê Thị Hoài L là hợp pháp. Anh L1 và chị L cùng đứng tên vay trong hợp đồng tín dụng, không có ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến khoản vay trên nên anh chị phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên là phù hợp. Theo các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp, anh Nguyễn Thành L1 và chị Lê

Thị Hoài L còn nợ Ngân hàng số tiền tính đến ngày 24/4/2023 là: 90.920.664 đồng (Chín mươi triệu, chín trăm hai mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi tư đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 75.394.922 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 518.762 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 14.606.795 đồng;
- Nợ lãi chậm trả: 400.186 đồng.

Do Hợp đồng tín dụng là hợp pháp, phù hợp pháp luật nên các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng được pháp luật thừa nhận và có hiệu lực giữa các bên tham gia ký kết, bao gồm các thỏa thuận về lãi suất, lãi suất quá hạn. Theo bảng kê chi tiết nợ gốc và lãi do Ngân hàng cung cấp và yêu cầu phía bị đơn trả nợ, qua xem xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì vậy chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP B và buộc anh Nguyễn Thành L1 và chị Lê Thị Hoài L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 24/4/2023 là: 90.920.664 đồng (Chín mươi triệu, chín trăm hai mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi tư đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 75.394.922 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 518.762 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 14.606.795 đồng;
- Nợ lãi chậm trả: 400.186 đồng.

Anh Nguyễn Thành L1 và chị Lê Thị Hoài L phải tiếp tục chịu lãi trên nợ gốc tính từ ngày 24/4/2023 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD51A202156 ngày 16/07/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tổng tài sản tranh chấp là: 90.920.664 đồng (Chín mươi triệu, chín trăm hai mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi tư đồng). Án phí là: 90.920.664 đồng x 5% = 4.546.033 đồng (Bốn triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi ba đồng). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Nguyễn Thành L1 và chị Lê Thị Hoài L phải chịu toàn bộ án phí.

Ngân hàng TMCP B được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí 2.112.000 đồng (Hai triệu, một trăm mười hai nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0047xxx ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Các Điều 26, 35, 39, 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thượng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với anh Nguyễn Thành L1 và chị Lê Thị Hoài L về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD51A202156 ngày 16/07/2021.

Tính đến ngày 24/4/2023, anh Nguyễn Thành L1 và chị Lê Thị Hoài L còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể: 90.920.664 đồng (Chín mươi triệu, chín trăm hai mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi tư đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 75.394.922 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 518.762 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 14.606.795 đồng;
- Nợ lãi chậm trả: 400.186 đồng.

[2] Buộc anh Nguyễn Thành L1 và chị Lê Thị Hoài L phải thanh toán Ngân hàng TMCP B tổng số tiền tính đến ngày 24/4/2023 là: 90.920.664 đồng (Chín mươi triệu, chín trăm hai mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi tư đồng). Anh Nguyễn Thành L1 và chị Lê Thị Hoài L phải tiếp tục chịu lãi trên dư nợ gốc tính từ ngày 24/4/2023 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD51A202156 ngày 16/07/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[3] ***Về án phí dân sự sơ thẩm:***

Anh Nguyễn Thành L1 và chị Lê Thị Hoài L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.546.033 đồng (Bốn triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi ba đồng).

Ngân hàng TMCP B được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí 2.112.000 đồng (Hai triệu, một trăm mười hai nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0047xxx ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo về phần có liên quan trong bản án/.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- THA dân sự huyện Đông Anh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Thanh